

**TỔNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
**TỈNH HẬU GIANG**

Số: 235/QĐ-CTHADS

Hậu Giang, ngày 30 tháng 12 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2025  
của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC;

Căn cứ Quyết định số 1841/QĐ-TCTHADS, 1842/QĐ-TCTHADS ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Tổng cục Thi hành án dân sự về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 và Công văn số 5249/TCTHADS-KHTC ngày 30 tháng 12 năm 2024 về việc thông báo chi tiết một số nội dung giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 233/QĐ-CTHADS, 234/QĐ-CTHADS ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc.

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang (theo các biểu đính kèm).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng, Thủ trưởng các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang và các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Vụ KHTC (để b/c);
- Phó Cục trưởng (để biết);
- Lưu: VT, KTNS, đăng tải Trang Thông tin điện tử của Cục.

**CỤC TRƯỞNG**



**Lê Phước Toàn**



Đơn vị: **VĂN PHÒNG CỤC THI HÀNH AN DÂN SỰ TỈNH HẬU GIANG**

Chương: 014

**DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số 235/QĐ-CTHADS ngày 30/12/2024 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang )

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: 1.000 đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
<b>I</b>	<b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>	
<b>1</b>	<b>Số thu phí, lệ phí</b>	<b>73.000</b>
1.1	Chi từ nguồn phí được để lại (chi quản lý hành chính)	40.150
1.2	Số phí nộp ngân sách nhà nước	18.250
<b>II</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>	
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính nhà nước (Loại 340 - Khoản 341)</b>	<b>5.753.615</b>
1.1	Kinh phí giao thực hiện tự chủ	6.526.377
1.2	Kinh phí giao không thực hiện tự chủ	833.350
<b>2</b>	<b>Chi sự nghiệp đào tạo (Loại 070 - Khoản 085)</b>	<b>-</b>
2.1	Kinh phí giao thực hiện tự chủ	-
2.2	Kinh phí giao không thực hiện tự chủ	-

*(Handwritten signature)*

Đơn vị: **CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TỈNH HẬU GIANG**  
 Chương: 014



**DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH ĐƯỢC GIAO  
 VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số 235/QĐ-CTHADS ngày 30/12/2024 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang)

(Dùng cho đơn vị dự toán ngân sách cấp I/đơn vị dự toán ngân sách cấp trên)

ĐV tính: 1.000 đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Trong đó								
				VP Cục	TP Vị Thanh	H Châu Thành	H Châu Thành A	H Phụng Hiệp	H Vị Thủy	H Long Mỹ	TP. Ngã Bảy	TX Long Mỹ
1	2	3	4= 5+6+...13	5	6	7	8	9	10	11	12	13
<b>A</b>	<b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>											
<b>I</b>	<b>Số thu phí, lệ phí</b>	<b>2.827.000</b>	<b>2.827.000</b>	<b>74.000</b>	<b>395.000</b>	<b>575.000</b>	<b>263.000</b>	<b>363.000</b>	<b>228.000</b>	<b>110.000</b>	<b>464.000</b>	<b>355.000</b>
	Phí thi hành án	2.786.000	2.786.000	73.000	389.000	567.000	259.000	358.000	225.000	108.000	457.000	350.000
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn phí được để lại</b>	<b>2.130.500</b>	<b>2.130.500</b>	<b>55.750</b>	<b>297.750</b>	<b>433.250</b>	<b>198.250</b>	<b>273.500</b>	<b>171.750</b>	<b>83.000</b>	<b>349.750</b>	<b>267.500</b>
<b>I</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>	<b>2.130.500</b>	<b>2.130.500</b>	<b>55.750</b>	<b>297.750</b>	<b>433.250</b>	<b>198.250</b>	<b>273.500</b>	<b>171.750</b>	<b>83.000</b>	<b>349.750</b>	<b>267.500</b>
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ, trong đó:	2.130.500	2.130.500	55.750	297.750	433.250	198.250	273.500	171.750	83.000	349.750	267.500
	20% nộp về Tổng cục	557.200	557.200	14.600	77.800	113.400	51.800	71.600	45.000	21.600	91.400	70.000
	55% được sử dụng	1.532.300	1.532.300	40.150	213.950	311.850	142.450	196.900	123.750	59.400	251.350	192.500
	Tiết kiệm để CCTL	41.000	41.000	1.000	6.000	8.000	4.000	5.000	3.000	2.000	7.000	5.000
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>III</b>	<b>Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước (25%)</b>	<b>696.500</b>	<b>696.500</b>	<b>18.250</b>	<b>97.250</b>	<b>141.750</b>	<b>64.750</b>	<b>89.500</b>	<b>56.250</b>	<b>27.000</b>	<b>114.250</b>	<b>87.500</b>
	Phí thi hành án	696.500	696.500	18.250	97.250	141.750	64.750	89.500	56.250	27.000	114.250	87.500
<b>B</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>	<b>27.128.660</b>	<b>27.128.660</b>	<b>7.359.727</b>	<b>2.760.019</b>	<b>2.828.932</b>	<b>2.581.478</b>	<b>2.816.075</b>	<b>2.361.189</b>	<b>2.270.496</b>	<b>1.974.980</b>	<b>2.175.764</b>
<b>I</b>	<b>Nguồn ngân sách trong nước</b>	<b>27.128.660</b>	<b>27.128.660</b>	<b>7.359.727</b>	<b>2.760.019</b>	<b>2.828.932</b>	<b>2.581.478</b>	<b>2.816.075</b>	<b>2.361.189</b>	<b>2.270.496</b>	<b>1.974.980</b>	<b>2.175.764</b>
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>	<b>27.128.660</b>	<b>27.128.660</b>	<b>7.359.727</b>	<b>2.760.019</b>	<b>2.828.932</b>	<b>2.581.478</b>	<b>2.816.075</b>	<b>2.361.189</b>	<b>2.270.496</b>	<b>1.974.980</b>	<b>2.175.764</b>
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	24.567.210	24.567.210	6.526.377	2.471.119	2.646.132	2.418.978	2.613.275	2.057.889	2.043.496	1.823.680	1.966.264
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	2.561.450	2.561.450	833.350	288.900	182.800	162.500	202.800	303.300	227.000	151.300	209.500
<b>2</b>	<b>Chi sự nghiệp đào tạo</b>	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Ghi chú:

Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ, trong đó có Quỹ thi đua khen thưởng tập trung tại Văn phòng Cục 269.985.000 đồng

Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ, trong đó có kinh phí may trang phục, lễ phục, phù hiệu cấp hiệu tập trung tại Văn phòng Cục 410.350.000 đồng